

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ - ST
Ngày 26-9-2025
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hải Tăng.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hải-Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5-Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Ninh Bình tham gia phiên toà:
Ông Trần Văn Nghĩa-Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2025/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Hồng M, sinh ngày 29/3/2001; số định danh cá nhân: 035301000026; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố S, phường K, tỉnh Ninh Bình; nơi tạm trú (nơi ở hiện tại): Tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Q, sinh ngày 01/3/1991; số định danh cá nhân: 035091001474; nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Dương Thị Hồng M trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn Q trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2019 tại Ủy

ban nhân dân xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Kim Thanh, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc chỉ được thời gian ngắn thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng ý kiến trong việc chăm sóc con cái, chi tiêu trong gia đình, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng hay xảy ra gây gổ, cãi vã. Đến đầu năm 2024 anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Mặc dù cả hai đã rất cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng đã nhiều lần can thiệp động viên nhưng mục đích hôn nhân của anh chị không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Văn Q trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Dương Thị Hồng M đúng như chị M đã trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị M có quan hệ tình cảm với người khác nên đến khoảng cuối năm 2024 chị M đã tự bỏ nhà đi chỗ khác ở. Từ đó đến nay vợ chồng không gặp gỡ gì nhau, không liên lạc điện thoại với nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn thì hai bên gia đình có biết và có gọi điện thoại cho chị M để phân tích, khuyên nhủ chị M về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị M kiên quyết không về. Nay chị M xin ly hôn, anh Q xác định mặc dù vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nhưng anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh Q thống nhất xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 01/11/2020 và Phạm Hà Th, sinh ngày 03/12/2022, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh Q. Chị M và anh Q đều thống nhất quan điểm khi ly hôn sẽ giao cả hai cháu cho anh Q nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị M không đề nghị Tòa án giải quyết, còn anh Q yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/1 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về con riêng: Chị M và anh Q đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị M và anh Q thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hồng M. Xử lý hôn giữa chị Dương Thị Hồng M và anh Phạm Văn Q. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 01/11/2020 và Phạm Hà Th, sinh ngày 03/12/2022 cho anh Q nuôi dưỡng, chị M cấp dưỡng nuôi con cho anh Q mỗi cháu từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/1 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là chị Dương Thị Hồng M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Hồng M và anh Phạm Văn Q là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 23/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Kim Thanh, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con cái cũng như trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung; ngoài ra anh Q còn nghi ngờ chị M có quan hệ tình cảm với người khác, từ đó dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, nặng nề và anh chị đã ly thân nhau từ đầu năm 2024 đến nay. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh Q. Còn anh Q mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và anh chị đã ly thân nhau là thực tế, bản thân anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa chị M và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị M được ly hôn anh Q là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Chị M và anh Q có hai con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 01/11/2020 và Phạm Hà Th, sinh ngày 03/12/2022, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh Q. Xét thỏa thuận của anh chị khi ly hôn sẽ giao cả hai cháu cho anh Q nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con mặc dù chị M không đề nghị Tòa án giải quyết, song việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, vì vậy cần buộc chị M có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu Th mỗi cháu 2.000.000 đồng/1 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con riêng*: Chị M và anh Q không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị M và anh Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 107, Điều 108, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Dương Thị Hồng M và anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 01/11/2020 và Phạm Hà Th, sinh ngày 03/12/2022 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu Th cho anh Q 2.000.000đ (hai triệu đồng)/1 cháu/1 tháng, kể từ tháng 9/2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Dương Thị Hồng M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000283 ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị M còn phải nộp tiếp tiền án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Báo cho anh Q biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Kim Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

